

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 42

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	
Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2018
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 61113814/19357558

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		323.214.545.627	227.749.062.419
110	I. Tiền	4	42.244.015.465	30.054.543.740
111	1. Tiền		42.244.015.465	30.054.543.740
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	15.854.048.320	33.390.032.081
121	1. Chứng khoán kinh doanh		28.244.672.556	32.590.272.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.390.624.236)	(8.800.240.477)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	9.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	254.916.770.482	154.792.900.038
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		117.423.946.406	104.287.651.593
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.404.448.049	12.242.508.864
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		98.000.000.000	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		37.957.635.407	32.650.618.885
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.869.259.380)	(9.660.812.280)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	272.932.976
140	IV. Hàng tồn kho	7	5.392.975.026	4.246.361.401
141	1. Hàng tồn kho		5.392.975.026	4.528.618.404
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(282.257.003)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.806.736.334	5.265.225.159
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.773.248.896	1.290.459.038
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.097.837	3.974.766.121
153	3. Thuế và các khoản thu khác từ Nhà nước	27.3	1.023.389.601	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.516.087.840.572	1.501.560.654.093
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	3.351.357.000	3.460.010.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		917.100.000	2.139.900.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.434.257.000	1.320.110.000
220	II. Tài sản cố định		193.236.074.000	88.240.582.602
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	192.611.289.336	87.838.418.602
222	Nguyên giá		296.870.609.454	174.032.711.456
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(104.259.320.118)	(86.194.292.854)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	624.784.664	402.164.000
228	Nguyên giá		1.998.088.779	1.633.573.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.373.304.115)	(1.231.409.779)
230	III. Tài sản dở dang dài hạn		615.596.000	97.268.235.696
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		615.596.000	97.268.235.696
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	1.314.299.930.505	1.304.754.065.505
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.199.766.230.427	1.186.058.305.427
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		118.695.760.078	118.695.760.078
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.162.060.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.584.883.067	7.837.760.290
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.483.479.316	6.616.374.947
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.101.403.751	1.221.385.343
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.839.302.386.199	1.729.309.716.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		646.899.656.133	819.515.994.498
310	I. Nợ ngắn hạn		287.295.254.920	221.022.513.526
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	76.628.352.275	73.469.523.330
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	96.728.235.779	20.066.868.359
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.631.379.285	4.191.362.844
314	4. Phải trả người lao động		13.641.837.062	9.413.963.347
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.368.117.822	4.158.067.926
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		31.700.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17.1	84.528.242.259	107.821.858.396
320	8. Vay ngắn hạn	18	-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.737.390.438	1.900.869.324
330	II. Nợ dài hạn		359.604.401.213	598.493.480.972
337	1. Phải trả dài hạn khác	17.2	9.808.191.500	544.460.000
338	2. Vay dài hạn	18	348.314.237.838	596.052.222.222
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	1.481.971.875	1.896.798.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.192.402.730.066	909.793.722.014
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.192.402.730.066	909.793.722.014
411	1. Vốn cổ phần		854.378.790.000	854.378.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		854.378.790.000	854.378.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		340.056.974.966	57.447.966.914
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		52.642.055.704	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		287.414.919.262	57.447.966.914
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.839.302.386.199	1.729.309.716.512


Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	890.371.887.744	723.691.353.721
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(723.207.546.920)	(588.598.738.930)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.164.340.824	135.092.614.791
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	288.640.592.249	2.109.964.249
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(59.360.152.829) (48.035.469.451)	(57.266.488.192) (56.392.132.187)
25	6. Chi phí bán hàng	24, 25	(58.097.388.611)	(43.975.383.534)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(41.441.918.163)	(36.059.968.495)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		296.905.473.470	(99.261.181)
31	9. Thu nhập khác	26	456.014.935	75.242.575.625
32	10. Chi phí khác	26	(481.169.468)	(763.033.522)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	26	(25.154.533)	74.479.542.103
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		296.880.318.937	74.380.280.922
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(9.345.418.083)	(16.315.136.052)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(119.981.592)	784.169.143
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		287.414.919.262	58.849.314.013



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		296.880.318.937	74.380.280.922
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	18.206.921.600	9.402.115.917
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		10.363.346.743	(6.516.510.079)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		37.404.218	39.210.763
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(278.010.359.302)	(68.906.505.848)
06	Chi phí lãi vay	23	48.035.469.451	56.392.132.187
07	Chi phí phát hành trái phiếu	23	2.262.015.616	2.052.222.222
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		97.775.117.263	66.842.946.084
09	Tăng các khoản phải thu		(114.844.849.457)	(36.186.274.916)
10	Tăng hàng tồn kho		(864.356.622)	(396.019.813)
11	Tăng các khoản phải trả		185.998.388.965	32.029.545.384
12	Giảm chi phí trả trước		650.105.773	(799.822.027)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		941.580.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.605.894.872)	(53.186.652.634)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.719.087.652)	(13.214.825.116)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(482.890.096)	(408.136.884)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		111.848.113.302	(5.319.239.922)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(26.301.788.665)	(143.110.291.834)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		-	123.974.092.727
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay, ủy thác đầu tư và tiền gửi có kỳ hạn		(203.000.000.000)	(191.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và ủy thác đầu tư		122.286.790.905	137.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(35.200.000.000)	(811.773.107.130)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.381.575.000	39.940.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức		288.212.277.573	1.777.380.219
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		150.378.854.813	(843.791.926.018)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	20.1	-	686.984.415.100
33	Tiền thu từ đi vay		110.821.492.045	396.880.580.112
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(360.821.492.045)	(216.854.560.690)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(7.744.000)	(11.584.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(250.007.744.000)	866.998.850.122
50	Tăng tiền thuần trong năm		12.219.224.115	17.887.684.182
60	Tiền đầu năm		30.054.543.740	12.189.528.769
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(29.752.390)	(22.669.211)
70	Tiền cuối năm	4	42.244.015.465	30.054.543.740

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 364 (31 tháng 12 năm 2016: 343).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY(tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	2 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2008 và trả tiền hằng năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty(VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.212.140.600	1.950.101.200
Tiền gửi ngân hàng	39.031.874.865	28.104.442.540
TỔNG CỘNG	42.244.015.465	30.054.543.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	27.688.672.556	15.298.048.320	(12.390.624.236)	127.872.558	8.132.500	(119.740.058)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	27.560.799.998	15.291.500.000	(12.269.299.998)	-	-	-
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	5.996.020	(120.756.427)	126.752.447	7.736.800	(119.015.647)
Cổ phiếu khác	1.120.111	552.300	(567.811)	1.120.111	395.700	(724.411)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	2.462.400.000	1.436.775.000	(1.025.625.000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	-	-	-	1.537.500.000	511.875.000	(1.025.625.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	-	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
Ủy thác đầu tư – số thuần	-	-	-	30.000.000.000	22.345.124.581	(7.654.875.419)
TỔNG CỘNG	28.244.672.556	15.854.048.320	(12.390.624.236)	32.590.272.558	23.790.032.081	(8.800.240.477)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	117.423.946.406	104.287.651.593
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Sản Xuất và Lắp Ráp</i>	2.272.100.370	240.006.400
<i>ô tô khách Trường Hải</i>	5.354.732.510	12.389.069.400
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	109.797.113.526	91.658.575.793
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.404.448.049	12.242.508.864
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên</i>		
<i>Thương mại Xây dựng Cẩm Anh</i>	8.773.817.614	8.773.817.614
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ</i>	2.139.900.000	1.222.800.000
<i>Các khoản trả trước khác</i>	1.490.730.435	2.245.891.250
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	98.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	37.957.635.407	32.650.618.885
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	21.267.127.617	15.990.200.164
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	14.298.001.072	14.042.971.829
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	1.861.983.320	2.384.935.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 28)</i>	530.523.398	117.500.000
<i>Phải thu khác</i>	-	115.011.892
Tài sản thiếu chờ xử lý - Hàng tồn kho	-	272.932.976
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.869.259.380)	(9.660.812.280)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>254.916.770.482</u>	<u>154.792.900.038</u>

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay tín chấp Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans, công ty con của Công ty, với mức lãi suất 9.5%/năm. Khoản cho vay này có thời gian đáo hạn vào ngày 14 tháng 3 năm 2018 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.660.812.280)	(7.086.472.884)
Dự phòng trích lập trong năm	(2.774.370.480)	(3.266.691.515)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.565.923.380	692.352.119
Số cuối năm	<u>(10.869.259.380)</u>	<u>(9.660.812.280)</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,160,188,000	-
Hàng hóa	1.057.768.844	4.528.618.404
Hàng mua đang đi đường	2.175.018.182	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(282.257.003)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>5.392.975.026</u>	<u>4.246.361.401</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	917.100.000	2.139.900.000
Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.434.257.000	1.320.110.000
TỔNG CỘNG	<u>3.351.357.000</u>	<u>3.460.010.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	75.243.190.221	6.007.517.506	90.655.034.525	2.126.969.204	174.032.711.456
Mua trong năm	-	-	1.519.659.092	1.053.352.154	2.573.011.246
Đầu tư XDCB hoàn thành	120.264.886.752	-	-	-	120.264.886.752
Số cuối năm	<u>195.508.076.973</u>	<u>6.007.517.506</u>	<u>92.174.693.617</u>	<u>3.180.321.358</u>	<u>296.870.609.454</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>33.347.849.049</i>	<i>3.823.430.886</i>	<i>15.603.045.216</i>	<i>1.037.643.292</i>	<i>53.811.968.443</i>
<i>Hư hỏng</i>	<i>3.830.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.830.000.000</i>
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	43.105.531.708	5.172.463.025	36.260.332.039	1.655.966.082	86.194.292.854
Khấu hao trong năm	8.265.247.218	293.636.693	9.289.390.274	216.753.079	18.065.027.264
Số cuối năm	<u>51.370.778.926</u>	<u>5.466.099.718</u>	<u>45.549.722.313</u>	<u>1.872.719.161</u>	<u>104.259.320.118</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>32.137.658.513</u>	<u>835.054.481</u>	<u>54.394.702.486</u>	<u>471.003.122</u>	<u>87.838.418.602</u>
Số cuối năm	<u>144.137.298.047</u>	<u>541.417.788</u>	<u>46.624.971.304</u>	<u>1.307.602.197</u>	<u>192.611.289.336</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.471.710.750	161.863.029	1.633.573.779
Mua trong năm	<u>364.515.000</u>	<u>-</u>	<u>364.515.000</u>
Số cuối năm	<u>1.836.225.750</u>	<u>161.863.029</u>	<u>1.998.088.779</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.069.546.750	161.863.029	1.231.409.779
Hao mòn trong năm	<u>141.894.336</u>	<u>-</u>	<u>141.894.336</u>
Số cuối năm	<u>1.211.441.086</u>	<u>161.863.029</u>	<u>1.373.304.115</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>402.164.000</u>	<u>-</u>	<u>402.164.000</u>
Số cuối năm	<u>624.784.664</u>	<u>-</u>	<u>624.784.664</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con	1.199.766.230.427	-	1.186.058.305.427	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	<u>118.695.760.078</u>	<u>(4.162.060.000)</u>	<u>118.695.760.078</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.318.461.990.505</u>	<u>(4.162.060.000)</u>	<u>1.304.754.065.505</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100.00	856.499.975.000	100.00	877.992.075.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex (ii)	Logistic	Đang hoạt động	84.00	283.206.230.427	84.00	283.206.230.427
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh (iii)	Logistic	Đang hoạt động	100.00	49.860.025.000	51.00	14.660.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (iv)	Logistic	Đang hoạt động	51.00	10.200.000.000	51.00	10.200.000.000
TỔNG CỘNG				1.199.766.230.427		1.186.058.305.427

(i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, chủ sở hữu đã phê duyệt việc giảm vốn điều lệ của SII từ 877.992.075.000 xuống VND 856.499.975.000 và đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.

(ii) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“VTX”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. GCNĐKKD đầu tiên của Công ty số 3206000035 được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004. Vào ngày 27 tháng 1 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do Bộ Giao thông Vận tải ban hành. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VTX là vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 17.616.750 cổ phiếu của VTX, tương đương 84% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này, trong đó 11.717.806 cổ phiếu của Vietranstimex được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của các trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(iii) Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”), trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 100% phần vốn góp của Sotrans Hà Tĩnh.

(iv) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

11.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần MHC (i)	Logistics	Đang hoạt động	23.00	94.533.700.078	23.00	94.533.700.078
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50.00	10.000.000.000	50.00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50.00	10.000.000.000	50.00	10.000.000.000
Công ty TNHH Lo-Gi-STíc Gefco – Sotrans (iv)	Logistics	Đang hoạt động	24.50	4.162.060.000	24.50	4.162.060.000
TỔNG CỘNG				118.695.760.078		118.695.760.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần MHC (“MHC”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sở hữu 7.528.181 cổ phiếu của MHC, tương đương 23% tỷ lệ sở hữu trong công ty này.
- (ii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.
- (iii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.
- (iv) Công ty TNHH Lô -Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.093.687.344	612.146.449
Chi phí sửa chữa	173.953.940	372.456.844
Khác	2.505.607.612	305.855.745
TỔNG CỘNG	3.773.248.896	1.290.459.038
Dài hạn		
Thuê đất	1.953.437.500	3.627.812.500
Chi phí sửa chữa	795.088.022	1.729.117.844
Công cụ dụng cụ	543.255.381	313.922.061
Khác	191.698.413	945.522.542
TỔNG CỘNG	3.483.479.316	6.616.374.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	15.287.730.283	8.159.144.670
Công ty Cổ phần SCI	-	19.197.109.863
Unitex Logistics Limited	1.785.755.785	2.013.824.221
Công ty TNHH Một thành viên Hạnh Minh Quang	7.368.499.999	6.011.249.999
Phải trả người bán khác	<u>52.186.366.208</u>	<u>38.088.194.577</u>
TỔNG CỘNG	<u>76.628.352.275</u>	<u>73.469.523.330</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 28</i>)	95.124.999.994	19.835.303.355
Người mua khác trả tiền trước	<u>1.603.235.785</u>	<u>231.565.004</u>
TỔNG CỘNG	<u>96.728.235.779</u>	<u>20.066.868.359</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	64.696.781.566	(63.155.314.165)	1.541.467.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.007.536.124	9.345.418.083	(8.719.087.652)	4.633.866.555
Thuế thu nhập cá nhân	183.826.720	3.322.504.345	(3.050.285.736)	456.045.329
Thuế khác	-	450.646.674	(450.646.674)	-
TỔNG CỘNG	<u>4.191.362.844</u>	<u>77.815.350.688</u>	<u>(75.375.334.227)</u>	<u>6.631.379.285</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.163.560.687	3.733.986.108
Khác	<u>204.557.135</u>	<u>424.081.818</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.368.117.822</u>	<u>4.158.067.926</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận tạm ứng từ bên liên quan	-	17.110.500.000
Nhận ký quỹ	2.037.190.600	9.474.189.650
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>2.551.051.659</u>	<u>1.297.168.746</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.528.242.259</u>	<u>107.821.858.396</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>40.009.960.000</i>	<i>64.110.500.000</i>
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	<i>39.940.000.000</i>	<i>39.940.000.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>4.578.282.259</i>	<i>3.771.358.396</i>

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thỏa thuận tạm thời quản lý Khu đất, Công ty và SORECO đồng ý gia hạn thời hạn di dời đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

17.2 Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ	9.808.191.500	470.580.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	73.880.000
TỔNG CỘNG	<u>9.808.191.500</u>	<u>544.460.000</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>2.808.191.500</i>	<i>544.460.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	<u>348.314.237.838</u>	<u>596.052.222.222</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	-	596.052.222.222
Tiền thu từ đi vay	110.821.492.045	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(110.821.492.045)	(250.000.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.262.015.616
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>348.314.237.838</u>

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Kỳ hạn</i>
VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	150.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(1.685.762.162)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>348.314.237.838</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

- (ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (“Việt Cát”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex, trong đó 7.217.806 cổ phiếu do Công ty sở hữu (Thuyết minh số 11.1) và 98.374 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

(iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex do Công ty sở hữu (*Thuyết minh số 11.1*) và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	137.803.490.000	-	8.378.540.122	7.276.861.099	13.042.473.038	166.501.364.259
Tăng vốn trong năm	705.552.280.000	(2.033.034.900)	(8.378.540.122)	(7.276.861.099)	(879.428.779)	686.984.415.100
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	11.023.020.000	-	-	-	(11.023.020.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	58.849.314.013	58.849.314.013
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.537.586.653)	(2.537.586.653)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.784.705)	(3.784.705)
Số cuối năm	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>57.447.966.914</u>	<u>909.793.722.014</u>
Năm nay						
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	-	57.447.966.914	909.793.722.014
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	287.414.919.262	287.414.919.262
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.319.411.210)	(4.319.411.210)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(486.500.000)	(486.500.000.00)
Số cuối năm	<u>854.378.790.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>340.056.974.966</u>	<u>1.192.402.730.066</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	85.437.879	85.437.879
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	85.437.879	85.437.879

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND).

20.3 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	-	11.023.020.000
Cổ tức đã trả trong năm	7.744.000	11.584.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	11.023.020.000

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	766.023.306.808	616.291.094.951
Doanh thu bán hàng hóa	124.348.580.936	107.400.258.770
TỔNG CỘNG	890.371.887.744	723.691.353.721

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	2.295.488.617	1.582.147.219
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	446.620.232	332.584.030
Cổ tức, lợi nhuận được chia	285.898.483.400	195.233.000
TỔNG CỘNG	288.640.592.249	2.109.964.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	606.050.463.569	489.582.041.554
Giá vốn của hàng hóa đã bán	117.157.083.351	99.016.697.376
TỔNG CỘNG	<u>723.207.546.920</u>	<u>588.598.738.930</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	48.035.469.451	56.392.132.187
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư	-	7.654.875.419
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	8.676.818.759	(9.090.849.475)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.262.015.616	2.052.222.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	327.515.670	251.554.863
Khác	58.333.333	6.552.976
TỔNG CỘNG	<u>59.360.152.829</u>	<u>57.266.488.192</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	58.097.388.611	43.975.383.534
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	34.160.702.437	27.932.120.968
Khấu hao tài sản cố định	1.120.564.260	414.135.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.390.101.491	10.215.109.469
Chi phí bán hàng khác	6.426.020.423	5.414.017.114
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.441.918.163	36.059.968.495
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	28.327.602.739	23.307.380.782
Khấu hao tài sản cố định	813.402.046	680.637.757
Thuế, phí, lệ phí	1.760.765.930	1.309.854.338
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.774.370.480	2.574.339.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.733.039.531	6.230.309.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.032.737.437	1.957.446.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.513.145.206	489.582.041.554
Giá vốn hàng hóa đã bán	117.157.083.351	99.016.697.376
Chi phí nhân viên	68.410.945.677	51.239.501.750
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	18.206.921.600	9.402.115.917
Chi phí khác	9.458.757.860	19.393.734.362
TỔNG CỘNG	822.746.853.694	668.634.090.959

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	456.014.935	75.242.575.625
Nhận tiền hỗ trợ di dời	-	72.101.196.728
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	2.682.804.320
Thu nhập khác	456.014.935	458.574.577
Chi phí khác	(481.169.468)	(763.033.522)
Chi phí nộp phạt	(190.009.096)	(445.417.440)
Chi phí khác	(291.160.372)	(317.616.082)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	(25.154.533)	74.479.542.103

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.333.866.555	16.141.464.306
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	11.551.528	173.671.746
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	119.981.592	(784.169.143)
TỔNG CỘNG	<u>9.465.399.675</u>	<u>15.530.966.909</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	296.880.318.937	74.380.280.922
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	59.376.063.787	14.876.056.184
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	7.298.066.237	653.249.579
Thu nhập không chịu thuế	(57.220.281.877)	(172.010.600)
Chi phí thuế TNDN năm nay	9.453.848.147	15.357.295.163
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	11.551.528	173.671.746
Chi phí thuế TNDN	<u>9.465.399.675</u>	<u>15.530.966.909</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	296.394.375	379.359.750	(82.965.375)	(57.856.450)
Chi phí phải trả	805.009.376	842.025.593	(37.016.217)	842.025.593
TỔNG CỘNG	1.101.403.751	1.221.385.343	(119.981.592)	784.169.143

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	35.851.184.660	39.115.556.336
		Nhận tạm ứng cho thuê cảng	25.031.688.527	-
		Cổ tức được chia	2.550.000.000	-
		Bán hàng hóa	2.202.099.980	-
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Vay	35.000.000.000	33.000.000.000
		Hoàn trả khoản vay	35.000.000.000	33.000.000.000
		Thu hồi cho vay	20.000.000.000	25.000.000.000
		Mua dịch vụ	5.610.027.271	1.605.500.090
		Mua tài sản cố định	1.090.909.092	-
		Cung cấp dịch vụ	880.284.094	-
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	18.104.851.364	21.721.125.685
		Cổ tức được chia	4.398.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm : (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công Ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.652.400.000	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	972.053.200	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	637.350.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức được chia	251.625.000.000	-
		Cho vay	98.000.000.000	32.000.000.000
		Rút vốn	21.492.075.000	-
		Lãi cho vay	367.861.111	405.155.556
		Thu hồi cho vay	-	32.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	-	40.000.000.000
		Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	-	18.181.818.182
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Thu nhập từ nhận hỗ trợ di dời	-	54.545.454.546
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Nhận tiền vay	47.000.000.000	-
		Trả tiền vay	47.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	26.425.125.000	-
		Mua dịch vụ	9.341.912.772	577.690.318
		Doanh thu bán hàng	4.065.362.195	-
		Doanh thu cho thuê văn phòng	1.053.167.086	-
		Mua tài sản cố định	514.000.000	900.000.000
		Nhận tạm ứng	-	40.000.000.000
		Hoàn trả tạm ứng	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đồng lớn	Xây dựng trung tâm Logistic	80.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	1.139.239.590	-	
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	683.970.000	-	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	245.973.280	212.506.400	
Tổng Công Ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	111.650.000	-	
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	60.555.000	-	
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Công ty con	Mua dịch vụ	30.712.500	27.500.000	
			2.272.100.370	240.006.400	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cho vay	98.000.000.000	-	
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Cho vay	-	15.000.000.000	
			98.000.000.000	15.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Lãi cho vay	367.861.111	-	
Tổng Công Ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Chi hộ	162.662.287	-	
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	117.500.000	
			530.523.398	117.500.000	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đông lớn	Xây dựng trung tâm Logistic	80.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	15.124.999.994	19.835.303.355	
			95.124.999.994	19.835.303.355	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	Công ty con	Mua dịch vụ	7.597.457.283	524.000.000	
Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	6.199.823.000	6.602.688.000	
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	1.393.450.000	1.032.456.670	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	97.000.000	-	
			15.287.730.283	8.159.144.670	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	Công ty con	Trả hộ	9.960.000	-	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Nhận tạm ứng	-	17.110.500.000	
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	-	7.000.000.000	
			40.009.960.000	64.110.500.000	
<i>Phải trả dài hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	-	

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

		VND	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng		3.266.475.351	4.155.884.608

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VND	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm		28.119.116.356	9.304.904.950	
Từ 1 đến 5 năm		104.830.781.780	8.751.580.000	
Trên 5 năm		20.088.000.000	50.608.800.000	
TỔNG CỘNG		153.037.898.136	68.665.284.950	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	16.576.676.940	8.161.254.545
Từ 1 đến 5 năm	25.828.096.085	576.000.000
TỔNG CỘNG	<u>42.404.773.025</u>	<u>8.737.254.545</u>

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	631.312	150.826
- Đồng Euro (EUR)	6.640	7.321
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.190.881.420	624.958.040

31. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2017, 5 nhà kho của Công ty tại số 1/7 Bis Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đã bị hư hỏng do hỏa hoạn. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên có liên quan để xác định tổng thiệt hại và hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận được tiền bồi thường, do đó, tổng thiệt hại và các khoản bồi thường là chưa xác định được.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng




Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 2 năm 2018